

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 152/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-7-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn,
nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hiền;

- Ông Mai Huy Mân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phùng Văn L, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp M, xã L, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp M, xã L, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, ông Phùng Văn L trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1991 nhưng đến ngày 08-11-2004 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu ông và bà T sống hạnh phúc nhưng sau đó bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, sự việc đã xảy ra rất nhiều năm nhưng không có biện pháp gì hòa giải, hàn gắn. Ông và bà T đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, hiện không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ

chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung là Phùng Chí N, sinh năm 1992 và Phùng Duy K, sinh ngày 26-10-2004. Anh N đã thành niên và lao động được, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu K ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông L, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với bà T, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng; không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phùng Văn L và bà Nguyễn Thị T tranh chấp về ly hôn; bà T cư trú tại ấp M, xã L, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Bị đơn, bà Nguyễn Thị T không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bà T.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa ông Phùng Văn L và bà Nguyễn Thị T là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 285, ngày 08-11-2004. Theo ông L thì trong nhiều năm trở lại đây, ông và bà T luôn bất đồng ý kiến, mỗi lần gặp mặt nhau đều xảy ra cự cãi nhau làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ngoài ra, bà T thường xuyên sử dụng tài sản không đúng mục đích làm vợ chồng mâu thuẫn. Phía bà T cũng đã bỏ nhà đi không còn chung sống với ông, hai bên sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Thời gian ly thân đã lâu nhưng hai bên không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Ông L cũng thừa nhận hiện đang có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên việc đoàn tụ là không thể. Mặc dù những nguyên

nhân dẫn đến ly hôn do ông L nêu, nhưng bà T không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Phía bà T cũng không đến Tòa để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó cũng đã cho thấy bà T không còn quan tâm đến hôn nhân với ông L. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*” và “*vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*”. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa ông L, bà T đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của ông L là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là anh Phùng Chí N, sinh năm 1992 và Phùng Duy K, sinh ngày 26-10-2004. Anh N đã thành niên nên ông L không yêu cầu xem xét là có căn cứ. Đối với cháu K hiện đang sống cùng ông L, có nguyện vọng được sống với ông L sau khi cha mẹ ly hôn, bà T không có yêu cầu nuôi con chung. Do đó, xét yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu K của ông L là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông L, bà T đều không yêu cầu về phần này nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về án phí: Ông Phùng Văn L là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn L. Cho ông Phùng Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung:

Giao cháu Phùng Duy K, sinh ngày 26-10-2004 cho ông Phùng Văn L là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Bà Nguyễn Thị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do ông Phùng Văn L chưa yêu cầu.

Bà Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Ông Phùng Văn L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001943 ngày 28-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã L, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thực